TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST.
Ngày: 15/6/2021.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xong.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Diệp và ông Lê Xuân Niên.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Nông Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 197x;
Địa chỉ nơi cư trrú: Tổ dân phố…, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Ngọc T), sinh năm 197x; Nơi C tác: Kho bạc Nhà nước huyện K, tỉnh Kon Tum.
Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố…, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3. Người làm chứng: Anh Hạ Huy C, sinh năm 199x; Địa chỉ: Tổ dân phố …, thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Ngày 12/6/2020, anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, C tác tại Kho bạc Nhà nước huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, có mượn tiền (bản chất là vay tiền) của chị Bùi Thị Th số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), để giải quyết C việc gia đình. Anh Nguyễn Văn T hẹn đúng 02 tháng tức đến ngày 12/8/2020 sẽ trả số tiền trên cho chị Th. Việc anh Nguyễn Văn T vay mượn chị Bùi Thị Th do anh T viết giấy và có anh Hạ Huy C là người làm chứng ký vào giấy mượn tiền.

Đến ngày 12/8/2020 không thấy anh T trả nợ, chị Th đã nhiều lần liên lạc với anh T yêu cầu anh T trả khoản nợ vay trên nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Th mà hẹn đến tháng 11/2020, tháng 12/2020 sẽ trả. Đến giữa tháng 01/2021 chị Th điện thoại liên lạc với anh T để yêu cầu anh T trả nợ nhưng không liên lạc được. Vì vậy, chị Bùi Thị Th đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn T thanh toán toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng cho chị Bùi Thị Th.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) thanh toán toàn bộ sộ tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho nguyên đơn, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh T đã vay. Về án phí nguyên đơn đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Về phía bị đơn.

Tòa án nhân dân huyện Kon Plông đã thông báo tống đạt hợp lệ cho bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) biết về việc khởi kiện của nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) cũng như các văn bản tố tụng khác (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện K - nơi anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T công tác và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông) nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt.

- Ý kiến của người làm chứng (anh Hạ Huy C):

Tại bản tự khai ngày 08/3/2021, anh C khai: Vào ngày 12/6/2020, anh C có làm chứng việc anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T vay mượn tiền của chị Bùi Thị Th số tiền là 100.000.000 đồng. Còn hai bên thỏa thuận lãi suất như thế nào, việc trả nợ như thế nào thì anh C không rõ.

- Tại biên bản làm việc ngày 28/01/2021 chị Đinh Thị Hồng H trước đây là vợ của anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T nhưng đã ly hôn với anh T vào ngày 21/8/2020 cho biết: Việc vay mượn tiền giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Th như thế nào chị không biết, anh T không sử dụng số tiền vay trên cho gia đình và vợ con.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ *Về tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, trong đó nguyên đơn, người làm chứng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật và đã cung cấp tài liệu, chứng cứ, lời khai của mình.

Đối với bị đơn Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như các văn bản tố tụng khác (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, trụ sở nơi làm việc của bị đơn, tại trụ sở Tòa án) nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật; đồng thời xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Việc xác lập hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T ngày 12/6/2020 được anh Nguyễn Văn T trực tiếp viết và ký tên, có người làm chứng anh Hạ Huy C ký tên có nội dung thể hiện (số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng) phù hợp các quy định về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật dân sự 2015. Các chủ thể tham gia ký kết đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật. Nội dung của giấy mượn tiền (bản chất là vay tiền) nêu trên không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội nên hợp đồng vay trên là hợp pháp, do đó làm phát sinh quyền nghĩa vụ các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 118, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Bùi Thị Th), buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn T, tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) có trách nhiệm trả cho nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) toàn bộ số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Về lãi suất, nội dung giấy mượn tiền không thể hiện, nguyên đơn không có yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay tiền)"* giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T được khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Kon Plông giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn cũng như các văn bản tố tụng khác (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, trụ sở nơi làm việc của bị đơn, tại trụ sở Tòa án) nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật; đồng thời xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[2]. Về luật nội dung: Giao dịch dân sự (giấy mượn tiền, bản chất là vay tiền) được xác lập ngày 12/6/2020 sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3]. Xét hợp đồng vay tài sản (vay tiền) và yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc xác lập hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn T ngày 12/6/2020 được anh Nguyễn Văn T trực tiếp viết và ký tên, có người làm chứng anh Hạ Huy C ký tên có nội dung thể hiện (số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng) phù hợp các quy định về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật dân sự 2015. Các chủ thể tham gia ký kết đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của giấy mượn tiền (bản chất là vay tiền) nêu trên không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội.

Do đó, hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) và bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) ngày 12/6/2020 là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Theo biên bản làm việc ngày 28/01/2021, chị Đinh Thị Hồng Hạnh trước đây là vợ của anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T nhưng đã ly hôn với anh T vào ngày 21/8/2020 cho biết: Việc vay mượn tiền giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Th như thế nào chị không biết, anh T không sử dụng số tền vay trên cho gia đình và vợ con nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về cá nhân anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) phải trả toàn bộ số tiền mà bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) đã vay của nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) theo Giấy mượn tiền ngày 12/6/2020 là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 12/6/2020 không thể hiện lãi suất, hơn nữa nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 118, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Bùi Thị Th).

Buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày chị Bùi Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

+ Buộc bị đơn (anh Nguyễn Văn T tên gọi khác Nguyễn Ngọc T) phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Hoàn trả cho nguyên đơn (chị Bùi Thị Th) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0006537 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/6/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Xong

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.